

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN GIO LINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của UBND huyện Gio Linh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 351/CV-TMQT ngày 25/12/2023 của Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị; văn bản giải trình, bổ sung chỉnh sửa báo cáo số 33/CV-TMQT ngày 16/02/2024 của Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 168/TTr-PTNMT ngày 21/02/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Sepon địa chỉ tại Lô đất NTP 02, KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ Sepon.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: Lô đất NTP 02, KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp 3200042556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25/07/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 13/05/2020.
- 1.4. Mã số thuế: 3200042556.
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:
- Dự án có diện tích 19.000 m².

- Công suất: 30 tấn sản phẩm/ngày (tương đương 9.000 tấn sản phẩm/năm).

- Thời gian hoạt động: 50 năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

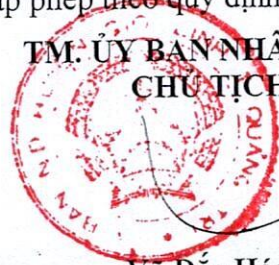
Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 26 tháng 02 năm 2024 đến ngày 26 tháng 02 năm 2034).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gio Linh chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Tổng công ty Thương mại Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công Thông tin điện tử huyện Gio Linh;
- UBND xã Gio Châu;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Đắc Hóa

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 429 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Gio Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Trong công đoạn nghiền

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải: 01 vị trí tại ống khói sau xử lý bụi từ công đoạn nghiền. Tọa độ: X: 1.868.641 m; Y: 589.707 m (Hệ tọa độ VN2000, KTT 160⁰15', múi chiều 3⁰). Khí thải theo ống khói thoát ra môi trường.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 10.171 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Tự thoát ra môi trường không khí.

2.2.2. Chế độ xả thải: xả liên tục.

2.2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt cột B của QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, Kp=1, Kv=1)	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Bụi tổng (TSP)	mg/Nm ³	200	-
2	NH ₃	mg/Nm ³	50	-
3	H ₂ S	mg/Nm ³	7,5	-
4	Metyl mercaptan	mg/Nm ³	-	15

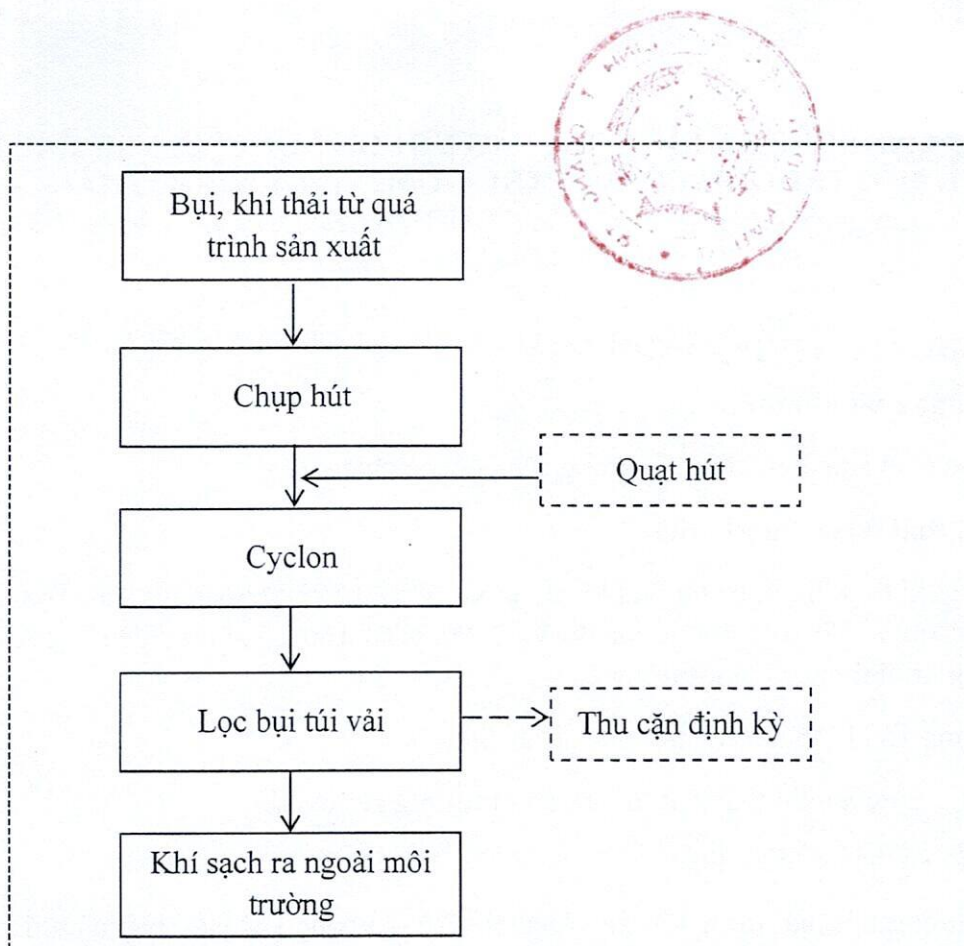
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Lượng bụi phát sinh trong quá trình sản xuất thông qua chụp hút bố trí trên máy công cụ được nối với ống dẫn, dưới tác dụng của lực hút ly tâm bụi được dẫn về hệ thống xử lý bụi và khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:



Thuyết minh quy trình công nghệ

Bụi được thu gom ngay tại công đoạn nghiền thông qua chụp hút bố trí trên máy công cụ. Các chụp hút được nối với ống dẫn, dưới tác dụng của lực hút ly tâm bụi được dẫn qua cyclon, bụi thu về thiết bị lọc bụi túi vải. Không khí lẫn bụi đi qua tấm vải lọc, ban đầu các hạt bụi lớn hơn khe giữa các sợi vải sẽ được giữ lại trên bề mặt vải theo nguyên lý rây, các hạt nhỏ hơn bám dính trên bề mặt sợi vải lọc do va chạm, lực hấp dẫn và lực hút tĩnh điện, dần dần lớp bụi thu được dày lên tạo thành lớp màng trợ lọc, lớp màng này giữ tất cả các hạt bụi có kích thước rất nhỏ. Hiệu quả lọc trên 90%. Sau một khoảng thời gian lớp bụi sẽ rất dày làm sức cản của màng quá lớn, phải ngưng cho dòng khí và bụi thải đi qua và tiến hành loại bỏ lớp bụi bám trên bề mặt vải. Bụi thu được sẽ được đưa vào máy ép viên tái sản xuất, không phát sinh ra môi trường bên ngoài. Dòng khí sạch theo ống khói thoát ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.3.1. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng lưu lượng xả khí thải lớn ra môi trường theo quy định tại điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, Phụ lục XXIX Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 112 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

1.3.2. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

Quan trắc môi trường lao động:

- Vị trí quan trắc: 01 điểm tại xưởng sản xuất, 01 điểm tại ống khói của hệ thống xử lý bụi.

* 01 điểm tại xưởng sản xuất:

- Thông số quan trắc: Nhiệt độ, tiếng ồn, độ rung, bụi, NH₃.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 02:2019/BYT Ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 27:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - giá trị cho phép tại nơi làm việc;

+ QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

+ QCVN 03:2019/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

* 01 điểm tại ống khói của hệ thống xử lý bụi:

- Thông số quan trắc: Bụi, NH₃, H₂S, Metyl mercaptan.

- Tần suất: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN QCVN 19:2009/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

+ QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

* Kế hoạch vận hành thử nghiệm đối với công trình xử lý bụi, khí thải

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Giai đoạn vận hành thử nghiệm được thực hiện dự kiến trong khoảng thời gian 03 ngày, bắt đầu từ khi hệ thống xử lý xây dựng hoàn thiện đi vào vận hành.

Kế hoạch vận hành thử nghiệm như sau:

Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
	Bắt đầu	Kết thúc	
Hệ thống xử lý bụi, khí thải	Ngày 1/8/2024	Ngày 3/8/2024	100%

- Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, lượng bụi, khí thải phát sinh 100% công suất thiết kế, trong đó lưu lượng xả thải tối đa là 10.171 m³/h.

- Lượng khí thải phát sinh chứa nhiều thành phần chủ yếu là bụi, NH₃ công nghệ xử lý khí thải của dự án được thực hiện bằng hệ thống cyclon và thiết bị lọc bụi túi vải.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

* *Quan trắc khí thải:*

- Số lượng quan trắc: 01 vị trí tại ống khói của hệ thống xử lý bụi

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Thông số quan trắc: Bụi, NH₃, H₂S, Metyl mercaptan.

- Tần suất quan trắc: Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp = 1; Kv = 1).

+ QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Chủ dự án dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường trên địa bàn để thực hiện là Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Khí thải sau xử lý đạt giới hạn Cột B của QCVN 19:2009/BTNMT (Kp=1, Kv=1) và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.



Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 428 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Gio Linh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động sản xuất phân bón, các phương tiện giao thông.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tại khu vực thực hiện dự án

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm:

Đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn: Tiếng ồn, độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu đạt QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (tại khu vực thông thường từ 6 giờ - 21 giờ). Mức độ giới hạn cho phép như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 24:2016/BYT	QCVN 26:2010/BTNMT	QCVN 27:2010/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	85	70	-
2	Độ rung	dB	-	-	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Để giảm thiểu tiếng ồn từ máy móc, thiết bị và các phương tiện xe cơ giới. Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau đây:

- Khu vực nhà xưởng được thiết kế cách ly với văn phòng làm việc.
- Trong quá trình sử dụng sẽ thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị (như bôi dầu mỡ, kiểm tra các kết cấu truyền động,...) để máy móc hoạt động tình trạng tốt nhất.
- Sử dụng máy móc, thiết bị đúng công suất, không vận hành thiết bị khi quá tải.
- Vận hành sản xuất đúng thời gian quy định, bố trí thời gian làm việc hợp lý cho

các công nhân làm việc trong các khu vực có tiếng ồn cao và có chế độ khám sức khỏe cho công nhân 01 lần/năm, nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho công nhân.

- Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án. Phương tiện vận chuyển không kéo cò, rú ga khi đi qua khu vực dân cư.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực sản xuất, nhà xưởng, sân bãi nhằm hạn chế tiếng ồn phát ra ngoài.

- Lựa chọn các thiết bị máy móc có độ ồn thấp, các loại máy có động cơ lớn được điều chỉnh và cố định bằng các bộ móng hạn chế rung động.

- Công nhân làm việc ở những khu vực có độ ồn cao được trang bị thêm các thiết bị giảm ồn như nút tai, bịt tai,...

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung (tại khu vực thông thường từ 6 giờ - 21 giờ).



Phụ lục 3

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 128 /GPMT-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2024 của UBND huyện Gio Linh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

CTNH phát sinh chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ,... khối lượng phát sinh khoảng 4 kg/tháng. Bao gồm khối lượng như sau:

Thành phần chất thải nguy hại phát sinh tại Nhà máy

TT	Danh mục chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng/tháng (kg)
1	Giẻ lau dính dầu, bông thấm dầu	18 02 01	3
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	1
	Tổng		4

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Chất thải rắn sản xuất thông thường bao gồm bao đựng nguyên liệu, thùng phi nhựa 200 lít đựng chế phẩm IMO3, bụi từ quá trình sản xuất.

- Bao bì đựng nguyên liệu loại 25 kg có khối lượng 90 - 100 g/bao. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu 33 tấn/ngày thì khối lượng bao bì đựng nguyên liệu phát sinh khoảng 110 kg/ngày.

- Thùng phi nhựa 200 L đựng chế phẩm IMO3 có khối lượng 8kg/thùng. Trong quá trình sản xuất phân bón, lượng chế phẩm IMO3 sử dụng là 66L/ngày, 1 thùng phi đựng chế phẩm IMO3 sử dụng 3 ngày. Như vậy, 1 tháng sẽ phát sinh 10 thùng phi 200 L đựng chế phẩm IMO3 thì khối lượng CTR phát sinh khoảng 80 kg/tháng.

Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất phân bón. Nhà máy sản xuất phân bón với quy mô là 30 tấn sản phẩm/ngày thì khối lượng bụi phát sinh khoảng 50 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 30 CBCNV khi dự án đi vào hoạt động. Lượng CTR phát sinh chủ yếu là túi nilon, chai, lon, thức ăn thừa,... Lượng rác thải sinh hoạt trung bình khoảng 0,5kg/người/ngày thì tổng lượng rác thải phát sinh tính được khoảng 15 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Lượng CTNH phát sinh tuy không lớn nhưng có tính nguy hại do đó cần được thu

gom và xử lý. Vì vậy, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Các CTNH như bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ, bùn thải sẽ được thu gom và đựng vào 01 thùng loại 120 L có nắp đậy kín, có dán nhãn chất thải nguy hại, sau đó đưa về khu nhà quản lý chất thải rắn dự kiến bố trí tại phía Đông Bắc khu vực dự án.

- Toàn bộ CTNH tại Nhà máy sẽ được hợp đồng với các đơn vị chức năng định kỳ vận chuyển, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Để giảm thiểu lượng bao bì nguyên liệu phát sinh Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Đối với bao bì đựng nguyên liệu chủ dự án sẽ tận dụng dùng cho đợt nhập nguyên liệu mới.

+ Đối với bao bì đựng nguyên liệu hư hỏng (mục, rách) không tận dụng được sẽ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

- Để giảm thiểu lượng CTR thùng phi nhựa phát sinh Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

+ Khi nhập chế phẩm IMO3, Chủ dự án sẽ tận dụng lại các thùng phi nhựa này để chứa chế phẩm nên sẽ không có phát sinh CTR ra ngoài môi trường.

+ Các can đựng trong quá trình nhập chế phẩm IMO3 Chủ dự án sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp chế phẩm, thu gom các can đựng không để phát sinh chất thải rắn tại khu vực dự án.

- Để giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình sản xuất phân bón Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp để giảm thiểu lượng bụi phát sinh như sau:

+ Bụi phát sinh từ quá trình sản xuất sẽ được thu gom và tái sử dụng sản xuất phân bón.

+ Chủ dự án sẽ phân công công nhân thu gom và vệ sinh thiết bị lọc túi bụi định kỳ 1 lần/tháng.

+ Thường xuyên vệ sinh quét dọn nhà xưởng sạch sẽ sau mỗi ca làm việc nhằm hạn chế bụi theo gió phát tán vào môi trường không khí.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chủ dự án sẽ bố trí 09 thùng rác loại 60 L tại khu vực nhà xưởng, nhà văn phòng và khu vực sân đường nội bộ để thu gom lượng CTR sinh hoạt phát sinh. Và Chủ dự án sẽ tổ chức phân loại rác thải ngay từ nguồn theo quy định tại Điều 75 của Luật BVMT 2020, trong đó được chia thành các loại CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế như chai nhựa, chai thủy tinh, túi nilon còn có khả năng sử dụng; chất thải thực phẩm như thức ăn thừa, rau, củ quả thải,... và CTR sinh hoạt khác như bao bì nilon hỏng, giấy lau,... để thu gom triệt để lượng CTR sinh hoạt khi dự án hoạt động đúng công suất. Hàng ngày, công nhân thu gom rác và hợp đồng với Trung tâm môi trường và Đô thị huyện Gio Linh đem

đi xử lý.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải:

- Chủ dự án yêu cầu công nhân thu gom, sắp xếp gọn gàng CTR tập kết tại các thùng rác.

- Đối với các loại chất thải có khả năng tái chế như vỏ chai, lọ; giấy vụn, bìa carton,... sẽ được thu gom bán cho các cơ sở thu mua phế liệu.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Đối với sự cố cháy nổ

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố cháy nổ có thể xảy ra đối với Nhà máy, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Thiết kế hệ thống dẫn điện theo đúng quy định an toàn, thành lập tổ kiểm tra, bảo vệ hệ thống mạng lưới điện. Từ đó, sẽ giảm thiểu được sự cố do chập điện, phóng điện xảy ra.

- Đưa ra các nội quy, quy định CBCNV không được hút thuốc trong khuôn viên Nhà máy.

- Thường xuyên kiểm tra: Dòng điện được nối đất cho an toàn khi sử dụng điện, các dụng cụ đóng ngắt điện phải tiếp xúc tốt đảm bảo che chắn tránh các tia lửa điện hay nhiệt phát ra do tiếp xúc kém, đảm bảo cách điện tốt.

- Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục lao động chấp hành nội quy, quy chế của nhà máy, tăng cường ý thức phòng chống cháy nổ cho người lao động, tuyệt đối không hút thuốc trong khu vực nhà máy.

- Các số điện thoại của y tế, PCCC phải có sẵn để kịp thời ứng cứu. Trang bị các phương tiện PCCC có tiêu lệnh và hướng dẫn cách sử dụng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống như: đường ống, van an toàn, hệ thống thủy lực, van xả đáy, đảm bảo lò được vận hành đúng quy trình và phát hiện các sự cố để kịp thời khắc phục.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, Ban lãnh đạo Công ty cần phải thông báo kịp thời cho toàn bộ CBCNV trong Nhà máy và các cơ sở sản xuất lân cận biết, sử dụng các phương tiện chữa cháy kịp thời hạn chế đám cháy, liên lạc với phòng cảnh sát PCCC và y tế để ứng cứu tại chỗ và di dời công nhân ra khỏi vùng nguy hiểm.

Tại xưởng sản xuất bố trí các thiết bị báo cháy tự động, cửa thoát hiểm tại khu vực nhà xưởng để thông báo kịp thời đến công nhân trong nhà máy tổ chức thoát nạn và ứng cứu.

2. Phòng ngừa tai nạn lao động

Để phòng ngừa và giảm thiểu sự cố do tai nạn lao động có thể xảy ra đối với cán bộ, công nhân làm việc trong nhà máy, Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- Tổ chức huấn luyện an toàn lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Nhà máy. Khi xảy ra tai nạn lao động CBCNV đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ cho CBCNV. Đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc.

- Đối với công nhân kỹ thuật sẽ thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy móc.

- Thường xuyên và định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất là 01 lần/năm. Trong đó tập trung vào một số bệnh nghề nghiệp thường hay áp dụng khám sàng lọc là các bệnh phổi, điếc và nhiễm độc nghề nghiệp. Tùy theo loại hình làm việc của các công nhân trong nhà máy để lựa chọn loại hình khám phù hợp.

- Công ty yêu cầu Đội xe vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm ra vào phải tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh Luật Giao thông cũng như nội quy đề ra. Các phương tiện phải có giấy chứng nhận Đăng kiểm phương tiện theo quy định của Nhà nước.

- Khi xảy ra tai nạn lao động, tai nạn giao thông, CBCNV đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu.

- Sử dụng đường dây điện đảm bảo an toàn, chất lượng dây dẫn tốt, đảm bảo không rò rỉ, tuyến đường dây đặt thoáng, tránh vướng người và phương tiện.

3. Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải

Khi có sự cố về hệ thống xử lý khí thải Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

- Công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải có trình độ chuyên môn để thực hiện đúng các yêu cầu vận hành và nhận biết sự cố phát sinh.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải có sự cố thì công đoạn nghiên phải tạm dừng hoạt động cho đến khi khắc phục, sửa chữa xong. Tiến hành sửa chữa hệ thống hút bụi, khí thải khi xảy ra sự cố hư hỏng, trong thời gian nhanh nhất.